

CÁC TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG TẬP QUÁN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ĐOÀN THỊ PHƯƠNG DIỆP*
NGUYỄN BÉ LÊ**

Tập quán là nguồn bổ trợ quan trọng trong điều chỉnh các quan hệ hôn nhân và gia đình khi pháp luật chưa có quy định hoặc quy định chưa đầy đủ. Tuy nhiên, việc áp dụng tập quán chỉ được thực hiện trong những trường hợp nhất định theo quy định của pháp luật và vẫn còn nhiều cách hiểu, cách vận dụng khác nhau trong thực tiễn. Trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, bài viết làm rõ các trường hợp áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; đồng thời, nhận diện những vấn đề pháp lý đặt ra. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, góp phần bảo đảm áp dụng thống nhất, nâng cao hiệu quả giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình ở Việt Nam.

Từ khóa: Tập quán; hôn nhân, gia đình; pháp luật Việt Nam; giải quyết vụ việc.

Customary practices serve as an important supplementary source for regulating marriage and family relations when statutory law contains no provisions or provides insufficient guidance. However, customary practices may only be applied in specific cases prescribed by law, and their interpretation and application remain inconsistent in practice. Based on an analysis of the relevant legal provisions, this article clarifies the cases in which customary practices may be applied in the settlement of marriage and family matters. It also identifies the legal issues arising from their application. On that basis, the article proposes recommendations for improving the legal framework, contributing to the consistent application of the law and enhancing the effectiveness of resolving marriage and family matters in Vietnam.

Keywords: Customary practices; marriage and family; Vietnamese law; dispute settlement.

NGÀY NHẬN: 09/6/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 24/6/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 08/7/2026

Email: diepdp@uel.edu.vn, nguyenbelele@yahoo.com.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1580>

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tập quán được ghi nhận là một trong những căn cứ bổ trợ để điều chỉnh các quan hệ xã hội khi pháp luật không có quy định hoặc quy định chưa đầy đủ. Đối với lĩnh vực hôn nhân và gia

đình, do chịu sự chi phối của nhiều yếu tố văn hóa, truyền thống và đặc điểm của từng cộng

* PGS. TS, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

** NCS, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

đồng dân cư, tập quán không chỉ tồn tại như một chuẩn mực xã hội mà còn được pháp luật thừa nhận trong những trường hợp nhất định nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ việc phù hợp với thực tiễn đời sống.

Hiện nay, các quy định về áp dụng tập quán được ghi nhận trong nhiều văn bản, tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng tập quán trong hoạt động giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, song vẫn còn phân tán ở nhiều văn bản pháp luật với những mục đích điều chỉnh khác nhau, dẫn đến việc nhận diện các trường hợp áp dụng tập quán chưa thực sự thống nhất. Trên cơ sở phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam, bài viết hệ thống hóa các trường hợp áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; góp phần làm rõ phạm vi, cơ sở pháp lý và ý nghĩa của việc áp dụng tập quán trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình theo pháp luật Việt Nam.

2. Các trường hợp áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình

2.1. Áp dụng tập quán để điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình khi pháp luật không có quy định và các bên không có thỏa thuận

Cơ sở hiến định của việc áp dụng tập quán được hình thành từ chủ trương nhất quán của Nhà nước về tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Điều 5 *Hiến pháp* năm 1992 và sau đó là Điều 5 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đều ghi nhận quyền của các dân tộc trong việc giữ gìn bản sắc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. Mặc dù các quy định này chưa trực tiếp xác định tập quán là nguồn pháp luật nhưng đã tạo nền tảng để pháp luật chuyên ngành xây dựng cơ chế áp dụng tập quán trong điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, Điều 6 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2000 quy định những phong tục, tập quán thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với các nguyên tắc của *Luật* thì được tôn trọng và phát huy. Quy định này bước đầu thừa nhận

giá trị của tập quán nhưng chủ yếu tiếp cận dưới góc độ bảo tồn văn hóa, chưa xác định rõ tập quán là căn cứ có thể được áp dụng trực tiếp để giải quyết vụ việc.

Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27/3/2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng *Luật Hôn nhân và gia đình* đối với các dân tộc thiểu số đã cụ thể hóa quan điểm này bằng cách phân chia tập quán thành hai nhóm: những phong tục, tập quán tốt đẹp cần được tôn trọng, phát huy và những phong tục, tập quán lạc hậu phải vận động xóa bỏ hoặc nghiêm cấm áp dụng. Việc phân loại cho thấy, pháp luật không thừa nhận mọi tập quán đang tồn tại trong cộng đồng mà chỉ lựa chọn những tập quán phù hợp với nguyên tắc tiến bộ của chế độ hôn nhân và gia đình.

Bước phát triển quan trọng được thể hiện tại Điều 7 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014. Theo đó, khi pháp luật không có quy định và các bên không có thỏa thuận thì áp dụng tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình và không vi phạm điều cấm của *Luật*. Như vậy, tập quán không chỉ là giá trị văn hóa được tôn trọng mà đã trở thành căn cứ pháp lý bổ trợ để giải quyết quan hệ hôn nhân và gia đình.

Trong vụ án giữa chị N.K.N. và anh Đ.V.Đ. do Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm; 70 chỉ vàng 24K được cha mẹ anh Đ. công bố trong lễ cưới nhưng sau đó phát sinh tranh chấp. Chị N. xác định toàn bộ số vàng được tặng cho vợ chồng; cha mẹ anh Đ. cho rằng chỉ tặng 20 chỉ, còn 50 chỉ là “vàng trình tạm”. Pháp luật không có quy định cụ thể về ý nghĩa pháp lý của việc “trình vàng” trong lễ cưới, các bên cũng không có thỏa thuận bằng văn bản về đối tượng được tặng cho. Vì vậy, Tòa án đã xem xét cách thức trao và công bố vàng công khai trước hai họ theo phong tục, tập quán cưới hỏi tại địa phương để xác định ý chí tặng cho. Trên cơ sở đó, Tòa án xác định 70 chỉ vàng là tài sản được tặng cho chung vợ chồng, buộc cha mẹ anh Đ.

hoàn trả cho chị N. 35 chỉ vàng (Báo Sức khỏe và đời sống, 12/3/2020).

Có thể thấy, tập quán không thay thế các quy định pháp luật về tặng cho, tài sản chung hoặc chia tài sản của vợ chồng. Vai trò của tập quán chỉ giới hạn ở việc bổ khuyết vấn đề mà pháp luật chưa quy định cụ thể: giải thích ý nghĩa của hành vi trao, trình vàng trong nghi lễ cưới hỏi và xác định chủ thể được tặng cho khi các bên không có thỏa thuận. Sau khi làm rõ vấn đề này, Tòa án mới áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình để xác định tính chất tài sản và phân chia theo quy định.

2.2. Áp dụng tập quán để xác định quyền, nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ hôn nhân và gia đình

Khoản 4 Điều 3 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 xác định tập quán về hôn nhân và gia đình là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên, được lặp đi lặp lại trong thời gian dài và được thừa nhận rộng rãi trong một vùng, miền hoặc cộng đồng. Tương tự, Điều 5 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 cũng coi tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong một quan hệ dân sự cụ thể.

Biểu hiện rõ nhất là việc xác định họ và dân tộc của con. Tại khoản 2 Điều 26 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 quy định họ của cá nhân được xác định theo họ của cha hoặc họ của mẹ theo thỏa thuận của cha mẹ; nếu không có thỏa thuận thì xác định theo tập quán. Khoản 2 Điều 29 cũng quy định khi cha mẹ thuộc hai dân tộc khác nhau, dân tộc của con được xác định theo thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì xác định theo tập quán, trường hợp tập quán của cha và mẹ khác nhau thì dân tộc của con được xác định theo tập quán của dân tộc ít người hơn. Trong những trường hợp này, tập quán là căn cứ trực tiếp xác định quyền nhân thân của người con chứ không chỉ có giá trị tham khảo.

Ví dụ cụ thể là tập quán mẫu hệ của người Ê Đê ở Tây Nguyên. Trong cộng đồng này, con

thường mang họ mẹ, thuộc về dòng họ mẹ và quan hệ gia đình được xác lập theo mẫu hệ. Vì vậy, nếu người mẹ là người Ê Đê, người cha thuộc dân tộc khác và hai người không thỏa thuận được về họ, dân tộc của con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thể căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 và tập quán mẫu hệ có thật của người Ê Đê để xác định họ, dân tộc của người con.

Tập quán còn có thể được sử dụng để xác định quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung của gia đình, dòng họ hoặc cộng đồng. Điều 208 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 thừa nhận sở hữu chung có thể được xác lập theo tập quán; Điều 211 quy định tài sản chung của cộng đồng được các thành viên cùng quản lý, sử dụng, định đoạt theo thỏa thuận hoặc theo tập quán vì lợi ích chung của cộng đồng. Đây là cơ sở để xác định ai có quyền quản lý, sử dụng tài sản và trách nhiệm của người được giao gìn giữ tài sản chung.

Chẳng hạn, trong gia đình Ê Đê, nhà dài và một số đồ vật gắn với sinh hoạt, nghi lễ truyền thống thường được quản lý theo dòng họ mẹ; người con gái út thường ở lại chăm sóc cha mẹ và tiếp tục quản lý nhà dài. Khi phát sinh tranh chấp về người có trách nhiệm bảo quản, sử dụng những tài sản mang tính cộng đồng hoặc nghi lễ mà các thành viên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định cụ thể, tập quán này có thể được xem xét để xác định quyền quản lý và nghĩa vụ gìn giữ tài sản. Tuy nhiên, không thể dựa vào tập quán để mặc nhiên tước quyền sở hữu hoặc quyền thừa kế hợp pháp của các thành viên khác. Cần phân biệt quyền quản lý, sử dụng tài sản theo tập quán với quyền sở hữu, quyền thừa kế được pháp luật bảo vệ.

2.3. Áp dụng tập quán với tư cách là căn cứ xác định sự thật khách quan trong quá trình giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình của Tòa án

Trước khi *Bộ luật Tố tụng dân sự* năm 2015 được ban hành, *Bộ luật Tố tụng dân sự* năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) đã thừa nhận tập quán là một trong những

nguồn chứng cứ nếu được cộng đồng nơi tồn tại tập quán đó thừa nhận. Nội dung này được hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đây là cơ sở để Tòa án sử dụng tập quán nhằm xác minh và giải thích các tình tiết của vụ án, mặc dù cơ chế áp dụng tập quán khi pháp luật chưa có quy định chưa được thiết lập đầy đủ.

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã hoàn thiện cơ chế này. Theo Điều 45, khi các bên không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định, đương sự có quyền viện dẫn tập quán để yêu cầu Tòa án áp dụng; Tòa án có trách nhiệm xác định giá trị áp dụng của tập quán. Nếu các bên viện dẫn những tập quán khác nhau thì tập quán được thừa nhận tại nơi phát sinh quan hệ đang tranh chấp được ưu tiên xem xét. Đồng thời, quy định về xác định chứng cứ tiếp tục thừa nhận tập quán khi được cộng đồng nơi có tập quán đó công nhận.

Vai trò của tập quán còn được thể hiện trong quá trình nghị án và ban hành bản án. Theo khoản 2 Điều 264 *Bộ luật Tố tụng dân sự* năm 2015, Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và các căn cứ pháp lý có liên quan; trường hợp chưa có điều luật điều chỉnh thì còn phải xem xét tập quán, tương tự pháp luật, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lệ công bằng. Theo điểm b khoản 2 Điều 266, nếu vụ án thuộc trường hợp áp dụng Điều 45, phần nhận định của bản án phải nêu rõ căn cứ áp dụng tập quán để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu của đương sự. Như vậy, nội dung và giá trị của tập quán phải được chứng minh, đánh giá công khai, khách quan và thể hiện trong lập luận của Tòa án.

Bản án số 19/2021/ST-HNGĐ ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau) là ví dụ tiêu biểu. Trong vụ án này, nguyên đơn trình bày đã “xây dựng hôn nhân năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn” và có con

chung. Tòa án đã xác minh với chính quyền địa phương, ghi nhận việc “tổ chức lễ cưới theo phong tục” và coi đây là bằng chứng thực tế về quan hệ chung sống. Tuy nhiên, do vi phạm điều kiện đăng ký kết hôn, Tòa không công nhận quan hệ vợ chồng, chỉ giải quyết các vấn đề liên quan đến con chung.

Qua vụ án trên có thể thấy, Tòa án đã linh hoạt áp dụng tập quán như một yếu tố xã hội trong quá trình xét xử nhằm xác định bản chất thực tế của quan hệ hôn nhân và giải quyết hợp lý hậu quả của việc chung sống không đăng ký. Mặc dù pháp luật không công nhận hôn nhân theo tập quán nhưng việc thừa nhận các yếu tố tập quán như bằng chứng thực tiễn thể hiện sự tôn trọng văn hóa cộng đồng, tinh thần nhân văn và sự dung hòa giữa luật pháp nhà nước và phong tục địa phương, qua đó, góp phần bảo đảm công bằng xã hội và ổn định đời sống hôn nhân và gia đình ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Những vấn đề pháp lý đặt ra từ các trường hợp áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình

Thứ nhất, phạm vi các trường hợp được áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình chưa được xác định đầy đủ và thống nhất. Mặc dù Điều 7 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 ghi nhận nguyên tắc áp dụng tập quán, song các trường hợp cụ thể lại được quy định phân tán trong nhiều văn bản khác nhau. Việc quy định này khiến việc nhận diện trường hợp nào được phép áp dụng tập quán chủ yếu dựa vào sự đối chiếu giữa nhiều văn bản pháp luật thay vì một quy định thống nhất. Bên cạnh đó, Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành *Luật Hôn nhân và gia đình* mới chỉ ghi nhận một số tập quán tiêu biểu mà chưa bao quát hết các quan hệ hôn nhân và gia đình phát sinh trong thực tiễn, đặc biệt là những quan hệ mới gắn với sự biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội và sự giao thoa văn hóa giữa các cộng đồng dân cư. Điều này làm hạn chế khả năng vận dụng tập quán trong giải quyết

tranh chấp khi pháp luật chưa có quy định điều chỉnh.

Thứ hai, điều kiện xác định trường hợp được chuyển sang áp dụng tập quán vẫn chưa được quy định cụ thể. Theo Điều 5 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 và Điều 45 *Bộ luật Tố tụng dân sự* năm 2015, tập quán chỉ được áp dụng khi các bên không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa làm rõ tiêu chí xác định trường hợp “pháp luật không có quy định”. Trên thực tế, có những quan hệ pháp luật hoàn toàn chưa được điều chỉnh; có trường hợp pháp luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc hoặc chưa dự liệu hết các tình huống phát sinh; cũng có trường hợp quy định hiện hành không còn phù hợp với điều kiện thực tiễn. Việc thiếu tiêu chí phân định giữa các trường hợp này dẫn đến khó khăn trong việc xác định thời điểm chuyển từ áp dụng quy phạm pháp luật sang áp dụng tập quán làm gia tăng nguy cơ áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các cơ quan xét xử.

Thứ ba, việc xác định trường hợp tập quán đủ điều kiện để được áp dụng còn phụ thuộc nhiều vào nhận định của cơ quan có thẩm quyền. Pháp luật quy định chỉ áp dụng các tập quán tốt đẹp và không áp dụng tập quán lạc hậu, trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, các tiêu chí để đánh giá một tập quán là “tốt đẹp”, “lạc hậu” hay “trái với nguyên tắc cơ bản” chưa được quy định cụ thể. Trong bối cảnh nhiều phong tục truyền thống đang có sự thay đổi dưới tác động của quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, cùng một tập quán có thể được nhìn nhận khác nhau giữa các địa phương hoặc giữa các chủ thể áp dụng pháp luật. Điều này ảnh hưởng đến tính thống nhất và khả năng dự đoán của hoạt động xét xử.

Thứ tư, pháp luật chưa có cơ chế đầy đủ để lựa chọn tập quán trong trường hợp đồng thời tồn tại nhiều tập quán có khả năng được áp dụng. Trong thực tiễn giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, đặc biệt là các quan hệ giữa các cá nhân thuộc các dân tộc khác nhau

hoặc có nơi cư trú khác nhau, không hiếm trường hợp tồn tại; đồng thời, nhiều tập quán cùng liên quan đến một quan hệ pháp luật. Khoản 1 Điều 45 *Bộ luật Tố tụng dân sự* năm 2015 chỉ quy định tập quán được áp dụng là tập quán được thừa nhận tại nơi phát sinh vụ việc dân sự, song chưa hướng dẫn cụ thể cách xác định “nơi phát sinh vụ việc” đối với các quan hệ hôn nhân và gia đình vốn có tính liên kết giữa nhiều địa phương và nhiều cộng đồng khác nhau. Khoảng trống này có thể dẫn đến sự khác biệt trong việc lựa chọn tập quán áp dụng, ảnh hưởng đến tính thống nhất và công bằng trong giải quyết vụ việc.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Một là, cần hoàn thiện quy định về phạm vi các trường hợp được áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình. Bên cạnh việc ghi nhận nguyên tắc chung tại Điều 7 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014, pháp luật cần quy định rõ hơn các nhóm quan hệ cụ thể có thể áp dụng tập quán khi pháp luật chưa có quy định hoặc quy định chưa đầy đủ. Đồng thời, cần rà soát, cập nhật các tập quán đang được thừa nhận trong thực tiễn của các vùng, miền và các dân tộc, tránh tình trạng các quy định hiện hành chỉ phản ánh một số tập quán truyền thống mà chưa bao quát được sự phát triển của các quan hệ hôn nhân và gia đình trong bối cảnh hiện nay. Việc xây dựng danh mục tập quán có giá trị tham khảo hoặc cơ sở dữ liệu về tập quán được công nhận cũng là giải pháp cần được nghiên cứu nhằm hỗ trợ các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình áp dụng pháp luật.

Hai là, cần quy định rõ tiêu chí xác định trường hợp được chuyển sang áp dụng tập quán. Pháp luật nên hướng dẫn cụ thể việc xác định trường hợp “pháp luật không có quy định” theo hướng phân biệt giữa trường hợp hoàn toàn chưa có quy phạm điều chỉnh với trường hợp quy định hiện hành chưa đủ để giải quyết vụ việc phát sinh. Đồng thời, cần xác định rõ mối quan hệ giữa việc áp dụng tập quán với áp dụng tương tự pháp luật và các nguồn bổ trợ khác theo đúng trình tự được

quy định trong *Bộ luật Dân sự* và *Bộ luật Tố tụng dân sự*, bảo đảm việc lựa chọn căn cứ giải quyết vụ việc được thống nhất trong thực tiễn xét xử.

Ba là, cần cụ thể hóa tiêu chí đánh giá tập quán đủ điều kiện để được áp dụng. Hiện nay, các khái niệm, như: “tập quán tốt đẹp”, “tập quán lạc hậu” hay “không trái với các nguyên tắc cơ bản” vẫn mang tính định tính dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng chưa thống nhất. Do đó, cần nghiên cứu ban hành các tiêu chí pháp lý và hướng dẫn nghiệp vụ để cơ quan có thẩm quyền có căn cứ đánh giá một tập quán trước khi quyết định áp dụng. Các tiêu chí này cần được xây dựng trên cơ sở bảo đảm sự hài hòa giữa việc tôn trọng bản sắc văn hóa của cộng đồng với yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền bình đẳng giới, quyền trẻ em và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế lựa chọn tập quán trong trường hợp có nhiều tập quán cùng có khả năng được áp dụng. Đối với các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố liên vùng, liên dân tộc hoặc liên cộng đồng, pháp luật cần hướng dẫn cụ thể căn cứ xác định tập quán được ưu tiên áp dụng, thay vì chỉ quy định chung là tập quán tại nơi phát sinh vụ việc. Việc lựa chọn tập quán cần được xem xét trên cơ sở mối liên hệ thực tế giữa các bên với cộng đồng nơi tập quán được hình thành, mức độ gắn bó của quan hệ tranh chấp với tập quán đó cũng như yêu cầu bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Đồng thời, cần tăng cường vai trò của cơ quan chuyên môn về văn hóa, chính quyền địa phương và các tổ chức đại diện cộng đồng trong việc xác minh nội dung, phạm vi và giá trị áp dụng của tập quán khi Tòa án giải quyết vụ việc.

5. Kết luận

Qua việc phân tích các trường hợp áp dụng tập quán theo quy định của pháp luật, có thể thấy, pháp luật hiện hành đã bước đầu hình thành cơ sở pháp lý cho việc vận dụng

tập quán trong hoạt động giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế liên quan đến phạm vi áp dụng, tiêu chí xác định trường hợp được áp dụng, điều kiện đánh giá giá trị pháp lý của tập quán và cơ chế lựa chọn tập quán trong những vụ việc có nhiều tập quán cùng tồn tại. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật theo hướng cụ thể hóa các trường hợp áp dụng tập quán không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, bảo đảm áp dụng pháp luật thống nhất mà còn tạo cơ sở hài hòa giữa yêu cầu tôn trọng bản sắc văn hóa của các cộng đồng với mục tiêu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam □

Tài liệu tham khảo:

- Bảo Sức khỏe và đời sống (12/3/2020). *Ly hôn, con dâu đòi mẹ chồng 35 chỉ vàng cưới*. <https://giadinh.suckhoedoisong.vn/ly-hon-con-dau-doi-me-chong-35-chi-vang-cuoi-172200312084230316.htm>
- Chính phủ (2014). *Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình*.
- Đình Thị Tâm (12/7/2022). Một số vấn đề lý luận về lựa chọn và công nhận tập quán nhằm tạo nguồn áp dụng trong quản lý xã hội của Nhà nước. *Tạp chí Quản lý nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/07/12/mot-so-van-de-ly-luan-ve-lua-chon-va-cong-nhan-tap-quan-nham-tao-nguon-ap-dung-trong-quan-ly-xa-hoi-cua-nha-nuoc>
- Hà Hải (27/5/2024). Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. *Tạp chí Tòa án nhân dân*. <https://tapchitoaan.vn/toa-an-nhan-dan-toi-cao-huong-dan-ap-dung-mot-so-quy-dinh-cua-phap-luat-trong-giai-quet-vu-viec-ve-hon-nhan-va-gia-dinh11004.html>
- Nguyễn Bé Lê (2021). Xác định và áp dụng tập quán trong giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình tại Tòa án nhân dân. *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 6.
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau) (2021). *Bản án số 19/2021/ST-HNGĐ ngày 23/4/2021*.